



II . Dây hàn lõi thuốc(Flux cored wire)

Đối với thép non và thép cường độ cao

CSF-71T

AWS A5.20 E71T-1C/1M • AWS A5.36 E71T1-C1[M21]A0-CS1-H8
ISO 17632-A T42 0 P C1[M21] 1 H10

• Mục đích sử dụng

Mối hàn giáp mối (Butt) và mối hàn góc (Fillet) dùng cho thép non trong công nghiệp ô tô, kiến trúc, đóng tàu, cầu đường, các công trình kiến trúc có kết cấu thép cường độ cao 490N/mm².

• Đặc tính

CSF-71T là một loại dây hàn lõi thuốc titania thích hợp cho tất cả các vị trí hàn được dùng chung với khí CO₂ có thể được hàn điện tử, tính truyền dẫn vượt trội do đó vòng cung mềm và ổn định, so với dây rắn ít bắn tung tóe, đặc tính bong bóng xỉ tuyệt vời và xuất hiện hạt nhỏ hơn. Đặc biệt, tốc độ hàn nhanh và hàn rất hiệu quả trong trường hợp phạm vi dòng điện thống nhất như hàn bằng, hàng ngang, hàng đứng, v.v.v (ví dụ 240A cho 1.2mm). Sử dụng khí 75% Ar - 25% CO₂ ít bắn tung tóe, vòng cung ổn định và xuất hiện hạt nhỏ hơn.

• Một vài ví dụ về thành phần hóa học của kim loại hàn(%)

(Khí bảo vệ : 100% CO₂)

C	Si	Mn	P	S
0.04	0.58	1.25	0.013	0.010

• Một vài ví dụ về tính chất cơ khí của kim loại hàn

(Khí bảo vệ : 100% CO₂)

Giới hạn chảy N/mm ²	Giới hạn bền kéo N/mm ²	Độ giãn dài %	CVN-IE (J)	
			0 °C	-20 °C
517	574	29	90	53

• Chỉ số sản phẩm và dòng điện phù hợp (DC+)

Dòng điện, tư thế		Đường kính (mm)	1.2	1.4	1.6
Dòng điện (A)	Hàn bằng (Flat), Hàn ngang (H-F)		180 340	200 360	200 400
	Hàn đứng trên (V-up)		120 220	140 260	160 260
	Hàn đứng dưới (V-down)		120 240	140 260	160 280
	Hàn trần (O.H)		120 220	140 260	160 260

• Trạng thái chứng nhận

CO₂ : ABS, BV, DNV GL, KR, LR, NK, CWB, BKI
MIX : ABS, BV, DNV GL, LR, CWB

Thép nhiệt độ thấp

CSF-71U

AWS A5.20 E71T-9C • AWS A5.36 E71T1-C1A2-CS1
ISO 17632-A T46 3 P C1 1

• Mục đích sử dụng

Mối hàn giáp mối (Butt) và mối hàn góc (Fillet) dùng cho thép non trong công nghiệp ô tô, kiến trúc, đóng tàu, cầu đường, các công trình kiến trúc có kết cấu thép cường độ cao 490N/mm².

• Đặc tính

CSF-71U là dây hàn lõi thuốc titania dùng cho hàn hồ quang chống khí CO₂ có đặc tính chịu lực tuyệt vời và có thể được hàn điện tử.

• Một vài ví dụ về thành phần hóa học của kim loại hàn(%)

(Khí bảo vệ : 100% CO₂)

C	Si	Mn	P	S
0.04	0.36	1.35	0.013	0.010

• Một vài ví dụ về tính chất cơ khí của kim loại hàn

(Khí bảo vệ : 100% CO₂)

Giới hạn chảy N/mm ²	Giới hạn bền kéo N/mm ²	Độ giãn dài %	CVN-IE (J)	
			-20 °C	-30 °C
504	584	28.0	130	95

• Trạng thái chứng nhận

ABS, BV, DNV GL, LR, RS